TENSES

1. Simple past: Quá khứ đơn
- Dấu hiệu:

- Công thức:

2. Simple present : Hiện tại đơn
- Dấu hiệu:

- Công thức:

3. Present perfect: Hiện tại hoàn thành
- Dấu hiệu:

- Công thức:

4. Present continuous: Hiện tại tiếp diễn
- Dấu hiệu:

LIVEWORKSHEETS

- Công thức:

5. Past continuous: Quá khứ tiếp diễn
- Dấu hiệu:

- Công thức:

6. Simple future: Tương lai đơn
- Dấu hiệu:

- Công thức:

7. Tobe going to :Quá khứ đơn
- Dấu hiệu:
- Công thức:

LIVEWORKSHEETS